

Số: 268/TTr-TA-HĐQT

Gò Vấp, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024
và thông qua kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2025**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-TA-HĐQT ngày 04/06/2021 về việc ban hành Điều lệ sửa đổi Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sửa đổi lần thứ 8);

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TA-HĐQT, ngày 22/12/2022 về việc ban hành Quy chế Tài chính Công ty Cổ phần cấp nước Trung An (sửa đổi lần thứ 7);

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty 2024 và kết luận kiểm toán năm 2023 của kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Cổ đông. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đóng góp và ủng hộ của quý Cổ đông của Công ty trong năm qua, nay Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận 2024 và dự kiến kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2025 như sau:

I. Trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận chia cổ tức năm 2023 và 2024:

1. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ: Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023 - năm 2024 như sau:

ĐVT: Đồng

DIỄN GIẢI	SỐ BÁO CÁO		
	Lợi nhuận bổ sung sau Kiểm toán Nhà nước năm 2023 (1)	Lợi nhuận Năm 2024 (2)	Tổng lợi nhuận phân phối năm 2024 (3) = (1)+(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	3.075.103.323	7.899.732.467	10.974.835.790
- Quỹ khen thưởng	-	1.083.892.467	1.083.892.467
- Quỹ phúc lợi	-	440.000.000	440.000.000
- Quỹ thưởng Ban QLĐH	-	375.840.000	375.840.000
- Cổ tức (4%)	2.000.000.000	6.000.000.000 (12%)	8.000.000.000 (16%)
- Lợi nhuận chưa phân phối để lại kỳ sau	1.075.103.323	-	1.075.103.323

Như vậy, với tổng mức chi cổ tức năm 2024 trình Đại hội là 16% vốn Điều lệ (trong đó năm 2023 là 4%; năm 2024 là 12%) và lợi nhuận chưa phân phối để lại kỳ sau là 1.075.103.323 đồng.

2. Hình thức và thời điểm chia cổ tức năm 2024: Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền.

II. Kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2025

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2024, kính trình Đại hội một số chỉ tiêu chính về kế hoạch tài chính, chi cổ tức năm 2025 như sau:

1.	Tổng doanh thu	236.878 triệu đồng
2.	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.520 triệu đồng
3.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.995 triệu đồng
4.	Dự kiến cổ tức 13% vốn điều lệ	

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VÕ THỊ HỒNG HÀ



TỜ TRÌNH

*Về mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách,
Ban Kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị/Thư ký năm 2025*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi, bổ sung lần thứ tám ban hành ngày 04/06/2021;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty và ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng quản trị.

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức thù lao năm 2025 đối với thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị/Thư ký, như sau:

1. Thủ lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 06 người

Mức thù lao: 8.000.000 đồng/người/tháng.

Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách là 8.000.000đ x 6 người x 12 tháng = **576.000.000 đồng/năm.**

2. Thủ lao thành viên Ban Kiểm soát (không chuyên trách): 02 người

Mức thù lao: 4.800.000 đồng/người/tháng.

Tổng mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách:
4.800.000 đồng x 2 người x 12 tháng = **115.200.000 đồng/năm.**

3. Thù lao Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty: 01 người

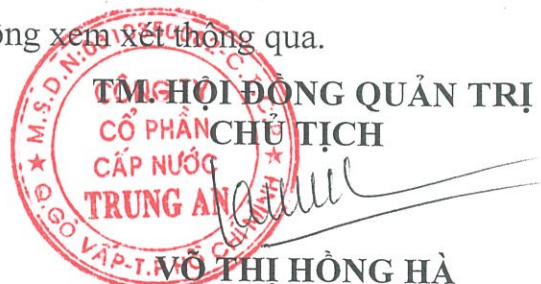
Mức thù lao: 4.000.000 đồng/tháng (48.000.000 đồng/năm).

➤ Tổng quỹ thù lao năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là **691.200.000 đồng/năm** và Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty là **48.000.000 đồng/năm**.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Số: 270/TTr-TA-HĐQT

Gò Vấp, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền Hội đồng Quản trị quyết định các hợp đồng ký với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH – MTV năm 2026.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Quyết định 4242/QĐ-UBND ngày 26/08/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi lần thứ tám ngày 04 tháng 06 năm 2021;

Căn cứ Bản Thỏa thuận ngày 19/04/2024 về việc thuê thực hiện dịch vụ phân phối nước sạch và quản lý mạng lưới trên địa bàn Quận 12 và quận Gò Vấp (trừ phường 1) của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV.

1. Báo cáo Đại hội tình hình thực hiện các hợp đồng dịch vụ năm 2025

Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông năm 2024. Qua xem xét Hội đồng quản trị đã thống nhất tại Nghị quyết số 45/NQ-TA-HĐQT ngày 19/12/2024 giao Giám đốc công ty ký các hợp đồng dịch vụ năm 2025 với Tổng công ty trong khoảng thời gian trước khi Đại hội năm 2025 diễn ra, nay Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội các hợp đồng dịch vụ đã thực hiện như sau:

- ✓ Hợp đồng Ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 10/01/2025;
- ✓ Hợp đồng Dịch vụ phân phối nước sạch số 419/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 16/01/2025;
- ✓ Hợp đồng Thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải số 288/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 10/01/2025;



- ✓ Hợp đồng thực hiện công tác gắn mới đồng hồ nước cho khách hàng số 646/HĐ-TCT-KHĐT ngày 07/02/2025;
- ✓ Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 774/HĐ-TCT-KHĐT ngày 13/02/2025.

2. Trình Đại hội đối với các Hợp đồng dịch vụ thực hiện năm 2026.

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An “Công ty” theo đề án cổ phần hóa là làm dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV “Tổng Công ty” thông qua các hợp đồng, các hợp đồng này hiện đang được ký hàng năm, mỗi đầu năm là phải tổ chức thương thảo, ký hợp đồng mới để Ban điều hành có cơ sở làm việc với các cơ quan chức năng liên quan, phục vụ cấp nước an toàn liên tục cho người dân trên địa bàn quản lý cũng như đảm bảo Công ty có nguồn thu ổn định không bị gián đoạn.

Theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2020 tại khoản 3 Điều 167 thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua các hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản (Báo cáo tài chính năm 2024 sau soát xét ký ngày 21/03/2024), qua xem xét dự thảo các hợp đồng Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định hợp đồng Hợp đồng Dịch vụ phân phối nước sạch và Hợp đồng Thay đồng hồ nước định kỳ ký với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV trong khoảng thời gian trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 diễn ra, trong trường hợp có thay đổi điều khoản giao Hội đồng quản trị quyết định sao cho không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính của Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về kết quả thực hiện các hợp đồng dịch vụ giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH-MTV.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Thị Hồng Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG

Thay đồng hồ nước định kỳ năm 2026

Số: _____/HĐ – TCT – KDDVKH

Căn cứ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 sửa đổi Nghị định 37/2015/ND-CP về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày 19 tháng 04 năm 2024, về việc thuê thực hiện dịch vụ phân phối nước sạch và quản lý mạng lưới trên địa bàn Quận 12, Quận Gò Vấp (ngoại trừ Phường 01);

Căn cứ Hợp đồng Ủy quyền Dịch vụ phân phối nước sạch số ____/HĐ-TCT-KDDVKH ngày ____ tháng ____ năm 2026, ký giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;

Xét nhu cầu khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo giấy Ủy quyền: Số ____/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày ____/____/____ của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Trụ sở chính : số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 19001836 Fax: 35 883 475.

Tài khoản số : 6220 211410006 tại ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng Giao dịch Hòa Bình- TP. HCM

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 04 năm 2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **LÊ TRỌNG HIẾU** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

1.1. Nội dung công việc:

- 1.1.1. Bên A giao và Bên B nhận thực hiện công tác thay đồng hồ nước định kỳ cho các hộ dân hoặc cơ quan trên địa bàn Quận 12, Quận Gò Vấp (ngoại trừ Phường 01) theo đúng yêu cầu thiết kế kỹ thuật của ngành cấp nước hiện hành.
- 1.1.2. Bên B lập kế hoạch thay đồng hồ nước định kỳ; chuẩn bị từ đầu năm về dự trù số lượng, thực hiện đề trình cho Bên A; phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng liên quan đến nội dung này.
- 1.1.3. “Tất cả đồng hồ nước được thay theo Quy định hiện hành (định kỳ 5 năm) và những trường hợp không do lỗi khách hàng như đồng hồ nước bị ngưng, có dấu hiệu tuột số,... và/hoặc bao gồm nâng, dời đồng hồ nước để thuận tiện cho công tác quản lý, đọc số (kể cả trường hợp trở ngại do bị âm sâu, khuất lấp,...).

Ngoài các trường hợp trên, các trường hợp sau đây sẽ do khách hàng tự chịu chi phí thay đồng hồ nước:

- Thay đồng hồ nước do lỗi của khách hàng gây ra như làm hư hỏng, bề mặt kiếng không đọc được chỉ số,...
- Thay đồng hồ nước theo yêu cầu của khách hàng như nâng, dời,...

Hàng Quý đơn vị lập danh sách báo cáo cho Bên A.

- 1.1.4. Đồng hồ nước khi thay phải được dán tem, chứng nhận kiểm định và phải có giấy phê duyệt mẫu của cơ quan có thẩm quyền.
- 1.15. Thực hiện tiếp tục thay thế các đồng hồ nước cơ khí truyền thống DN15mm (15ly) sang đồng hồ nước thông minh DN15mm (15ly) cho khách hàng tại các DMA đã lắp đặt thử nghiệm đồng hồ nước thông minh.

1.2. Khối lượng công việc:

- 1.2.1. Số lượng đồng hồ nước thay định kỳ là số lượng theo kế hoạch năm 2026 của Bên A.

- 1.2.2. Số lượng đồng hồ nước thay định kỳ của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm trong năm để phù hợp với tổng số lượng thay thực tế được Bên A chấp nhận.
- 1.2.3. Số lượng thay đồng hồ nước định kỳ sẽ được thanh quyết toán theo thực tế hàng Đợt hay hàng Quý.
- 1.2.4. Tất cả các đồng hồ nước được thay, gỡ về trên mạng lưới phải được thống kê và tái nhập kho của Bên A theo đúng số lượng đã thay.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG:

2.1. Đơn giá thay đồng hồ nước định kỳ:

2.1.1. Thay đồng hồ nước 15 ly:

2.1.1.1: Thay đồng hồ nước DN15mm (15ly) không kết hợp nâng do đồng hồ nước bị âm sâu đơn giá không vượt quá **1.036.541** đồng/ĐHN.

2.1.1.2: Thay đồng hồ nước DN15mm (15ly) kết hợp nâng do ĐHN bị âm sâu trong bất động sản không vượt giá các mức sau:

STT	Nội dung	Đơn giá
1	Thay và nâng ĐHN, sử dụng lại Van góc LH 25mm x 3/4'' và Van góc 3/4''x 25mm	1.537.491
2	Thay và nâng ĐHN, cấp mới Van góc LH 25mm x 3/4'' và Van góc 3/4''x 25mm	1.869.371
3	Thay và nâng ĐHN, cấp mới Van góc LH 25mm x 3/4'' và sử dụng lại Van góc 3/4''x 25mm	1.715.431
4	Thay và nâng ĐHN, cấp mới Van góc 25mm x 3/4'' và sử dụng lại Van góc LH 25mm x 3/4	1.691.431

2.1.1.3. Thay đồng hồ nước thông minh DN15mm (15 ly) với các đơn giá sau:

- Thay ĐHN thông minh DN15mm (15 ly) hiệu **B-METERS-ITALY-DN15MM: 3.068.654 đồng/ĐHN.**
- Thay ĐHN thông minh DN15mm (15 ly) hiệu **GKMV30-DN15MM: 4.541.654 đồng/ĐHN.**

2.1.1.4. Thay đồng hồ nước thông minh DN15mm (15ly) với các trường hợp: ĐHN và bộ truyền tín hiệu bị hỏng, bị mất do lắp đặt bên ngoài bất động sản của khách hàng với các đơn giá sau:

STT	TRƯỜNG HỢP	Đơn giá
A	ĐHN HIỆU B-METTERS	
1	Hỏng nguyên bộ đồng hồ	2.763.848
2	Hỏng buồng đo đồng hồ	981.848
3	Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	2.104.848
B	ĐHN HIỆU P.T.P (KENT)	
1	Hỏng nguyên bộ đồng hồ	3.971.848
2	Hỏng buồng đo đồng hồ	1.004.248
3	Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	3.407.848
4	Hỏng sim	407.848
5	Hỏng ngàm nối thân đồng hồ và bộ đọc	422.848

2.1.1.5. Đơn giá kiểm định lại đồng hồ nước điện từ cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 3 năm:

2.1.2. Thay đồng hồ nước 25 ly: Đơn giá không vượt quá **5.756.453 đồng/ĐHN**.

2.1.3. Thay đồng hồ nước lớn hơn 25 ly: Thanh toán theo chi phí thực tế.

2.2. Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, trường hợp Bên A có lập dự toán đơn giá mới phải được phê duyệt thì đơn giá mới sẽ được áp dụng và được điều chỉnh bằng phụ lục.

ĐIỀU 3: THANH TOÁN:

3.1. Căn cứ vào hồ sơ từng đợt hay từng quý Bên B gửi (khi tiến hành thanh toán phải bổ sung chứng từ xuất kho chứng minh giá đồng hồ nước thay, hình ảnh hiện trạng đồng hồ nước bị âm sâu trong bất động sản, phân loại cụ thể trường hợp thay ĐHN định kỳ và thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng do bị âm sâu, ...), Bên A sẽ kiểm tra và thanh toán chi phí thay đồng hồ nước định kỳ theo quy trình kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán thay đồng hồ nước định kỳ và thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng (ban hành theo Quyết định số 689/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 12 tháng 05 năm 2023) cho Bên B

bằng hình thức chuyển khoản vào thời gian tối đa là 15 ngày làm việc sau khi hoàn tất bộ hồ sơ thanh toán.

3.2. Hàng đợt hay hàng quý, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 1).
- Hoá đơn tài chính hợp lệ.
- Kế hoạch thực hiện thay đồng hồ nước của đợt hay quý kế tiếp.
- Giấy kiểm định còn hiệu lực và hồ sơ thể hiện đầy đủ số thân đồng hồ trước và sau khi thay đồng hồ nước.

3.2.1. Về thay đồng hồ nước định kỳ:

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ theo đợt hay quý (Phụ lục 2).
- Bảng tổng hợp nghiệm thu khối lượng hoàn thành công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng đợt hay quý (Phụ lục 3).
- Bảng tổng hợp quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng đợt hay quý (Phụ lục 4).
- Bảng tổng hợp chi phí vật tư công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán.
- Bảng kê chứng từ phiếu xuất kho công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán.
- Phiếu xuất kho thực hiện công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán.
- Bảng tổng hợp chi phí quyết toán công tác thay ĐHN định kỳ từng cỡ của đợt hay quý quyết toán.
- Bảng kê chi phí thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán.
- Biên bản hoàn công (đơn vị thi công, khách hàng, địa chỉ, ...).

3.2.2. Về thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng:

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng theo đợt hay quý (Phụ lục 2).
- Bảng tổng hợp chi phí vật tư công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán.

- Bảng kê chứng từ phiếu xuất kho công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán.
- Phiếu xuất kho thực hiện công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán.
- Bảng kê khối lượng thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán.
- Biên bản hoàn công được ký kết giữa khách hàng và đơn vị thực hiện thay ĐHN định kỳ, phải thể hiện đầy đủ nội dung thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- 4.1.1. Cùng với Bên B giải quyết các trở ngại phát sinh trong quá trình thi công (nếu có).
- 4.1.2. Theo dõi việc tổ chức thi công thay đồng hồ nước định kỳ do Bên B thực hiện, đảm bảo tiến độ kế hoạch.
- 4.1.3. Tổ chức kiểm tra hồ sơ hoàn công quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ do Bên B thực hiện.
- 4.1.4. Thanh toán cho bên B theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

- 4.2.1. Tổ chức thi công đúng chất lượng, đúng thiết kế theo quy định, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.
- 4.2.2. Sử dụng vật tư chuyên ngành cấp nước và đồng hồ nước đúng quy định.
- 4.2.3. Không được tự ý thu thêm bất cứ một khoản chi phí nào khác của khách hàng.
- 4.2.4. Đảm bảo việc tái lập mặt đường đúng theo quy định hiện hành.
- 4.2.5. Cùng với Bên A giải quyết trở ngại (nếu có).
- 4.2.6. Tổ chức lưu trữ hồ sơ gốc của khách hàng bao gồm cả hồ sơ thay đồng hồ nước định kỳ của khách hàng. Hàng tháng gửi danh sách hồ sơ bảng kê chi tiết thay đồng hồ nước định kỳ cho Bên A bằng file mềm.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA HAI BÊN.

- 5.1. Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.

- 5.2. Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

ĐIỀU 6: PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG:

- 6.1. Trong quá trình thi công, nếu Bên B không thực hiện đúng yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng xây lắp theo quy định, hoặc không đảm bảo quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng sẽ phải chịu bồi thường mọi tổn thất do việc sửa chữa lại (giá trị bồi thường thiệt hại theo thực tế phát sinh) và phải chịu phạt 10% giá trị theo từng đợt thi công bị vi phạm chất lượng.
- 6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán thù lao theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng mà Bên B có tài khoản.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG:

- 8.1. Việc chấm dứt và thanh lý khi Bên B hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ. Trước 30 (ba mươi) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng trao đổi ký kết hợp đồng mới nếu bên A tiếp tục có nhu cầu thay đồng hồ nước của bên B.
- 8.2. Trường hợp một trong hai Bên ngưng hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia biết trước 60 (sáu mươi) ngày bằng văn bản.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- 9.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 9.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.

- 9.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 9.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.
- 9.5. Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, ngày 27/09/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày 19 tháng 4 năm 2024, về việc thuê thực hiện dịch vụ phân phối nước sạch và quản lý mạng lưới trên địa bàn Quận 12, Quận Gò Vấp (ngoại trừ phường 01).

Căn cứ Hợp đồng uỷ quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày tháng năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày tháng năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm , tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 26/04/2023, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo giấy Ủy quyền: Số /GUQ-TCT-KDDVKH, ngày / / của Tổng Giám đốc Trần Quang Minh.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 19001836

Tài khoản số : 6220211 410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 24/04/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **LÊ TRỌNG HIẾU** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của hợp đồng.

1.1. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc:

- 1.1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước (bao gồm Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử) với khách hàng; cung cấp nước; đọc số, thu tiền.
- 1.1.2. Quản lý mạng cấp 3, ống nhánh và đồng hồ nước: quản lý hồ sơ, cập nhật hoá đồ; hoàn chỉnh mạng lưới, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước (bao gồm đường ống và các công trình, thiết bị trên mạng); cắt nước, mở nước,
- 1.1.3. Giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.

1.2. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc được nêu tại khoản 1.1 trong phạm vi địa bàn Quận 12, Quận Gò Vấp (ngoại trừ Phường 1).

Điều 2: Khối lượng công việc.

- 2.1. Khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng) từ khách hàng trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1.
- 2.2. Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của khách hàng được xác định qua công tác thu tiền nước hàng tháng và/hoặc việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2026. Số tiền nước thu được trong 01 kỳ là tổng số tiền tương ứng với lượng nước do khách hàng tiêu thụ trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1, được ghi nhận qua công tác ghi đọc chỉ số đồng hồ nước do Bên B thực hiện theo lịch đọc số được Bên B xây dựng. Lịch đọc số này được xem là phụ lục (Phụ lục 1) kèm theo hợp đồng này.
- 2.3. Định kỳ vào ngày cuối của tháng, hai bên sẽ cùng thống nhất doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của 2026 và tiền nước thu được của năm 2025; 2024; 2023; 2022; 2021; 2020; 2019 (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải), để tính toán doanh thu tiền nước thu được từ khách hàng sử dụng nước trong kỳ làm cơ sở để Bên A thực hiện việc thanh toán được qui định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 2.4. Trong trường hợp Bên A có thực hiện chương trình miễn, giảm tiền nước cho khách hàng thì khối lượng công việc được xác định căn cứ vào doanh

thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 trước chương trình miễn giảm tiền nước.

Điều 3: Chất lượng công việc.

3.1 Chất lượng nước sạch cung cấp:

- 3.1.1. Chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế.
- 3.1.2. Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm nghiệm chất lượng nước và định kỳ hàng tháng thông báo cho Bên B các kết quả kiểm nghiệm. Trong trường hợp chất lượng nước có biến động bất thường, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B.
- 3.1.3. Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này từ nhà máy của Bên A và/hoặc nhà máy, giếng của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua sử dụng nước sạch đến vị trí đồng hồ nước tại nhà khách hàng trong điều kiện không có sự tác động của Bên B vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước tại nhà khách hàng.
- 3.1.4. Bên B có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, thông báo diễn tiến chất lượng nước sạch cung cấp, lập kế hoạch và thực hiện súc xả định kỳ, đột xuất, giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng và địa phương liên quan đến chất lượng nước trong phạm vi khả năng giải quyết của Bên B. Mỗi khi Bên B có tác động vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước khách hàng, Bên B phải đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này.

3.2 Kết quả công việc thuê và nhận thuê:

- 3.2.1. Công việc thuê và nhận thuê được hai bên xây dựng qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên B được hai bên thống nhất.
- 3.2.2. Kết quả thực hiện công việc của Bên B không được thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả trung bình thực hiện năm trước đó trên địa bàn.
- 3.2.3. Nếu kết quả thực hiện công việc của Bên B thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và thấp hơn kết quả trung bình thực hiện năm trước đó thì hai bên sẽ thảo luận thống nhất điều chỉnh hệ số hợp đồng trong Điều 4 của hợp đồng này.
- 3.2.4. Kết quả lũy kế tỷ lệ % thực thu tiền nước/chuẩn thu 02 trong năm của Bên B phải đạt trên 99%.

Điều 4: Giá trị hợp đồng.

4.1. Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B hàng tháng sẽ được tính:

$$GTTT = (HS_{2026} \times DT_{2026}) + (HS_{2025} \times DT_{2025}) + (HS_{2024} \times DT_{2024}) + (HS_{2023} \times DT_{2023}) + (HS_{2022} \times DT_{2022}) + (HS_{2021} \times DT_{2021}) + (HS_{2020} \times DT_{2020}) + (HS_{2019} \times DT_{2019})$$

(Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất theo qui định hiện hành)

Trong đó:

- GTTT: Là giá trị thanh toán
- HS_{2026} : Hệ số dịch vụ năm 2026
- HS_{2025} : Hệ số dịch vụ năm 2025: 0,2334
- HS_{2024} : Hệ số dịch vụ năm 2024: 0,2334.
- $HS_{2023;2022;2021;2020}$: Hệ số dịch vụ năm 2023;2022;2021 và 2020: 0,2226.
- HS_{2019} : Hệ số dịch vụ năm 2019: 0,2577.
- DT_{2026} : Là doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của năm 2026, được nêu tại khoản 2.3 điều 2
- DT_{2025} ; DT_{2024} ; DT_{2023} ; DT_{2022} ; DT_{2021} ; DT_{2020} ; DT_{2019} : Là doanh thu tiền nước thu được từ tiền nước (tồn thu) của năm 2025; 2024; 2023; 2022; 2021; 2020 và 2019 được nêu tại khoản 2.3 điều 2.
- Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2: Là số tiền thực thu trong tháng và doanh thu tiền nước từ việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước,... được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2026.

Vào cuối năm, 02 Bên cùng xác định lại doanh thu tiền nước và/hoặc các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước Bên B thu được (Thực thu), tính đến thời điểm 31/12/2026, để tính toán lại giá trị Hợp đồng cho phù hợp. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản.

4.2. Trường hợp trong tháng Bên B thu tiền nước không đạt tỷ lệ 80% của chuẩn thu 2 được nêu tại điều 5 của hợp đồng thì hai bên sẽ cùng xem xét.

- Bên B trình bày lý do thu tiền nước không đạt tỷ lệ trên (do khách quan).

+ Nếu được Bên A chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu tiền nước không đạt 80% của chuẩn thu 2 được tính như sau:

Giá trị thanh toán = hệ số dịch vụ x doanh thu tiền nước thu thực tế của chuẩn thu 02.

+ Nếu Bên A không chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu không đạt 80% của chuẩn thu 2 được tính theo điều 5 của hợp đồng.

Việc trình bày của Bên B và/chấp nhận hoặc không chấp nhận của Bên A/phải được thể hiện bằng văn bản.

Điều 5: Thanh toán.

5.1. Bên A thanh toán tiền Hợp đồng dịch vụ mỗi tháng **02 đợt** cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đợt 1: Tạm ứng 50% (năm mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng của tháng trước liền kề vào ngày 15 hàng tháng. Nếu ngày 15 hàng tháng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ thanh toán trước/hoặc sau ngày 15 (hồ sơ tạm ứng phải được hoàn tất trước đợt tạm ứng tối đa 10 ngày làm việc).
- Đợt 2: Phần còn lại sẽ thanh toán sau khi Bên B đã thu được tiền nước trong tháng đạt 80% của chuẩn thu 02. Thời điểm thanh toán vào ngày 10 của tháng sau và thời hạn thanh toán không quá 10 ngày làm việc.

5.2. Hàng tháng, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản thống nhất khối lượng công việc (Phụ lục 2).
- Thông báo số tiền thanh toán (Phụ lục 3).
- Hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên B.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước.

6.1. Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng (như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này). Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

- 6.2. Trong trường hợp vì lý do ngưng cung cấp nước được nêu tại khoản 6.1. Điều này làm cho khối lượng cung cấp nước sạch thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng, hai bên sẽ thảo luận điều chỉnh hệ số hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của cả hai bên.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- 7.1.1 Thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.1.2 Đảm bảo cung cấp nguồn nước đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.1.3 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này.
- 7.1.4 Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.
- 7.1.5 Xây dựng các tiêu chuẩn, quy định, chương trình và kế hoạch nhằm định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B.
- 7.1.6 Thông qua các quy trình, thủ tục về nghiệp vụ nhằm thực hiện các nội dung công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này do Bên B xây dựng và đề xuất.
- 7.1.7 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên B các trường hợp có sự can thiệp của Bên A vào hệ thống cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho Bên B và/ hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.
- 7.1.8 Phát hành và quản lý hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.9 Được quyền ngưng cung cấp nước được nêu tại khoản 6.1 điều 6 của Hợp đồng này.
- 7.1.10 Được quyền yêu cầu Bên B thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- 7.2.1 Thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.
- 7.2.2 Chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản của Bên A như sau:

Tài khoản Bên A		
Tên Tài khoản	Số Tài khoản	Mở tại

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	6220431101100091	NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	2011100459999	NHTMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	0461000535587	NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Tân Bình Dương

Sau mỗi cuối ngày làm việc Bên B phải đồng bộ dữ liệu trong trạng thái “đã nộp tiền” trên hóa đơn điện tử tiền nước lên hệ thống hóa đơn điện tử của Bên A, để khách hàng lấy được hóa đơn.

- 7.2.3 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên A các trường hợp có sự can thiệp của Bên B vào mạng lưới cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của bên thứ 3 có Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.
- 7.2.4 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng.
- 7.2.5 Lập và thực hiện các kế hoạch theo nội dung được Bên A thuê thực hiện nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- 7.2.6 Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.7 Được quyền yêu cầu Bên A giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.
- 7.2.8 Được quyền yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

- 7.3.1 Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.
- 7.3.2 Phối hợp tìm nguyên nhân và khắc phục các biểu hiện bất thường về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng.
- 7.3.3 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1. Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được, như:

- 8.1.1. Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, trở ngại khách quan do dịch bệnh.
- 8.1.2. Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- 8.1.3. Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- 8.1.4. Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- 8.2. Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.
- 8.3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày **01** tháng **01** năm **2026** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2026**.
- 9.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 1: LỊCH ĐỌC SỐ NĂM 2026

(Ban hành theo Tờ trình số /TTr-KD ngày / /2026)

PHỤ LỤC 2: MẪU BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG NĂM

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., chúng tôi gồm:

- Đại diện Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Do Ông: Đặng Đức Hiền - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.
- Đại diện Bên B : Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An
- Do Ông/Bà: - Chức vụ:

Cùng tiến hành thống nhất khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê tháng.....năm.....được xác định căn cứ vào tổng doanh thu tiền nước Bên B thu được:

- *Từ chuẩn thu 02 của kỳ ...năm 2026:..... đồng (1)*
- *Từ tồn thu các kỳ hóa đơn trước đó của năm 2026 (tồn thu):
.....đồng (2)*
- *Từ số tiền nước năm 2025 (tồn thu) (3)*
- *Từ số tiền nước năm 2024 (tồn thu) (3)*
- *Từ số tiền nước năm 2023 (tồn thu) (4)*
- *Từ số tiền nước năm 2022 (tồn thu) (5)*
- *Từ số tiền nước năm 2021 (tồn thu) (6)*
- *Từ số tiền nước năm 2020 (tồn thu) (7)*
- *Từ số tiền nước năm 2019(tồn thu) (8)*
- *Tổng cộng: (1) + (2)+ (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) =
.....đồng*

(Đính kèm bảng tổng hợp số tiền nước thu được trong tháng)

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 3: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CT CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG NĂM

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV

- Căn cứ hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số ngày
- Căn cứ Biên bản thống nhất khối lượng công việc tháng ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

Số tiền mà Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An theo Hợp đồng dịch vụ số,tháng.....năm..... hàng tháng sẽ được tính như sau:

Hệ số x Doanh thu tiền nước thu được (từ chuẩn thu 2) của kỳ ... năm 2026 và tiền nước thu được của năm 2026 (tồn thu) và tiền nước thu được của năm 2025; 2024; 2023; 2022; 2021; 2020; 2019 chưa thu được (tồn thu) nhân lần lượt cho hệ số 2025(0,2334), 2024(0,2334); 2023(0,2226); 2022(0,2226); 2021(0,2226); 2020(0,2226); 2019(0,2577) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải).

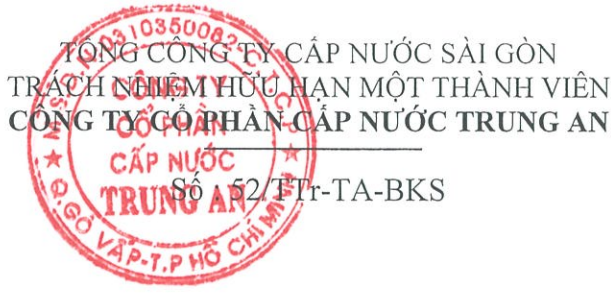
Thuế giá trị gia tăng theo qui định hiện hành =đồng

Số tiền thanh toán: đồng (1)

Số tiền đã tạm ứng(*Nếu có*):.....(2)

Số tiền còn lại phải thanh toán:(3)=(1) – (2)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Quyết định số 2730/QĐ-BTC ngày 15/11/2024 về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025 (Đính kèm danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025);
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Nước Trung An;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Bộ Tài chính và UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng và Công ty niêm yết.
- Có tổ chức kiểm toán viên chuyên nghiệp, trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính.
- Có hệ thống kiểm soát chất lượng được xây dựng phù hợp với quy định của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.



2. Danh sách các Công ty kiểm toán được Ban kiểm soát đề xuất

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC - Số 1, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Số 6 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam - Số 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách các Công ty kiểm toán do Ban Kiểm soát đề xuất nêu trên.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một (01) trong ba (03) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN


Phan Kim Phụng



Số: 271/TTr-TA-HĐQT

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều, khoản của Điều lệ và Tổ chức hoạt động
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An lần thứ chín

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 “Luật doanh nghiệp”;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

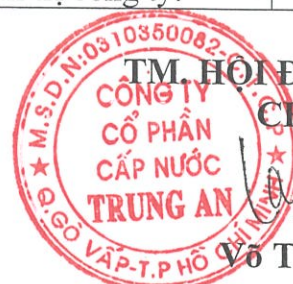
Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155/2020/NĐ-CP của chính phủ, tại Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sửa đổi, bổ sung lần thứ tám) với 21 Chương 58 Điều. Trong quá trình triển khai áp dụng Điều lệ tại Công ty thời gian vừa qua, Công ty nhận thấy để hạn chế xung đột về quyền và nghĩa vụ của người Đại diện theo pháp luật cũng như đảm bảo trong công tác quản trị công ty. Do vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Tổ chức hoạt động cụ thể tại Khoản 4 Điều 2 và đối với các điều khoản khác không thay đổi (dự thảo điều lệ sửa đổi đính kèm).

Điều lệ hiện hành	Sau điều chỉnh	Lý do
Tại khoản 4 Điều 2: <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc</u> là người đại diện theo pháp luật của công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của mỗi người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Tại khoản 4 Điều 2: <u>Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc</u> . Quyền hạn và nghĩa vụ người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Điều chỉnh từ 02 người thành chỉ có 01 người làm Người đại diện pháp luật là Giám đốc

Trân trọng kính trình Đại hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Thị Hồng Hà

Số: 272/TTr-TA-HĐQT

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều, khoản của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An lần thứ ba.

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 “Luật doanh nghiệp”;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Thông tư số 116/2020/TT-BTC”).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155, tại Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) với 08 Chương 58 Điều. Nhằm để đồng bộ và phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 2 của Điều lệ và Tổ chức hoạt động của Công ty trình tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025 hôm nay. Do vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty cụ thể tại Khoản 1, Điều 45 và đối với các điều khoản khác không thay đổi (*dự thảo Quy chế sửa đổi đính kèm*).

Quy chế hiện hành	Sau điều chỉnh	Ghi chú
Tại Khoản 1, Điều 45: Công ty có hai (02) Người đại diện theo pháp luật là: (i) Chủ tịch HĐQT và (ii) Giám đốc Công ty. Trong đó: - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong suốt quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty. - Chủ tịch HĐQT sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty chỉ trong các trường hợp sau:	Tại Khoản 1, Điều 45: Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.	Giám đốc thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong suốt quá trình tổ chức và hoạt động. (theo tại khoản 02 Điều 45 Quy chế này).



Quy chế hiện hành	Sau điều chỉnh	Ghi chú
• Giám đốc đi vắng mà không ủy quyền/ không có nhân sự để nhận ủy quyền; • Giám đốc bị hạn chế/ mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm,... <i>(những trường hợp không thể phát sinh việc ủy quyền/ việc ủy quyền không có hiệu lực)</i>; • Giám đốc bị tạm giam, kết án tù; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trốn khỏi nơi cư trú; • Các giao dịch mà HĐQT quyết định rằng sẽ do Chủ tịch HĐQT ký kết.		

Trân trọng kính trình Đại hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Thị Hồng Hà




Số: 274/TTTr-TA-HĐQT

TP. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ và Tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An ban hành ngày 04/6/2021 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 8);

Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ kết thúc nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Do đó, để đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bầu thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2025-2030 của Công ty như sau:

1. Lý do bầu thành viên Ban kiểm soát: thay thế thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 hết nhiệm kỳ.
2. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát
 - Số lượng thành viên BKS: 03 thành viên
 - Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS: theo điều 169 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 điều 36 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.

3. Danh sách ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030:

Danh sách ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 theo hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông, được Ban tổ chức tổng hợp, công bố trên website Công ty từ ngày 10/04/2025 và trình tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025 biểu quyết thông qua trước khi bầu cử.

4. Nguyên tắc bầu cử: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
5. Nguyên tắc trúng cử: theo Quy chế bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025-2030 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình Đại hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Số: 273 /TTr-TA-HĐQT

TP. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ và Tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sửa đổi, bổ sung lần thứ 8) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 04/6/2021;

Thành viên Hội đồng Quản trị đương nhiệm sẽ kết thúc nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Do đó, để đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ 2025-2030 của Công ty như sau:

1. Lý do bầu thành viên HĐQT: thay thế thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ.
2. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:
 - Số lượng thành viên HĐQT: 07 thành viên
 - Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT: theo khoản 1, 2 điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 điều 25 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.
3. Danh sách ứng viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030:

Danh sách ứng viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 theo hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông, được Ban tổ chức tổng hợp, công bố trên website Công ty từ ngày 10/04/2025 và trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua trước khi bầu cử.

4. Nguyên tắc bầu cử: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

5. Nguyên tắc trúng cử: theo Quy chế bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025-2030 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Thị Hồng Hà